

## THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

### Quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng

Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2018, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

*Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý ngày 20 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Bộ luật tố tụng hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Bộ luật tố tụng dân sự ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật tố tụng hành chính ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật thi hành tạm giữ, tạm giam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành Thông tư liên tịch quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng<sup>1</sup>.*

---

<sup>1</sup> Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Trợ giúp pháp lý số 11/2017/QH14;*

*Căn cứ Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15 và Luật số 99/2025/QH15;*

*Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Bộ luật số 45/2019/QH14, Luật số 59/2020/QH14, Luật số 13/2022/QH15, Luật số 19/2023/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 46/2024/QH15 và Luật số 85/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Tố tụng hành chính số 93/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 55/2019/QH14, Luật số 34/2024/QH15 và Luật số 85/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13;*

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư liên tịch này quy định về phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng nhằm bảo đảm quyền của người được trợ giúp pháp lý; đăng ký, từ chối, hủy bỏ việc đăng ký bào chữa; đăng ký, từ chối việc đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý và kinh phí phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư liên tịch này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân sau đây:

1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng.
2. Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng theo quy định của pháp luật về tố tụng.
3. Cơ sở giam giữ và trại giam.
4. Giám thị, Phó Giám thị, Trưởng phân trại, Phó Trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó Đội trưởng và người làm nhiệm vụ quản giáo trong trại tạm giam;<sup>2</sup> Đoàn trưởng đồn biên phòng nơi có buồng tạm giữ thuộc đồn biên phòng, Trưởng buồng tạm giữ thuộc đồn biên phòng (sau đây viết tắt là người có thẩm quyền của cơ sở giam giữ); Giám thị, Phó Giám thị, Trưởng phân trại, Phó Trưởng phân trại, Đội trưởng, Phó Đội trưởng và người làm nhiệm vụ quản giáo trong trại giam (sau đây viết tắt là người có thẩm quyền của trại giam).
5. Cơ quan thực hiện quản lý nhà nước về trợ giúp pháp lý.
6. Tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý bao gồm Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước (sau đây viết tắt là Trung tâm), Chi nhánh của Trung tâm (sau đây viết tắt là Chi nhánh); tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý.

---

*Căn cứ Luật Phòng chống, chống mua bán người số 53/2024/QH15;*

*Căn cứ Luật Tư pháp người chưa thành niên số 59/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15;*

*Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao liên tịch ban hành Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT/BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.”*

<sup>2</sup> *Cụm từ “Trưởng nhà tạm giữ, Phó Trưởng nhà tạm giữ và người làm nhiệm vụ quản giáo trong nhà tạm giữ” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025*

7. Người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tổ tụng bao gồm:

a) Trợ giúp viên pháp lý;

b) Luật sư bao gồm luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo hợp đồng với Trung tâm (sau đây viết tắt là luật sư ký hợp đồng với Trung tâm); luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý theo phân công của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý (sau đây viết tắt là luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý).

8. Người được trợ giúp pháp lý và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

## **Chương II**

### **TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA TỔ CHỨC THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ NGƯỜI THỰC HIỆN TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

#### **Điều 3. Trách nhiệm của Trung tâm và Chi nhánh**

1. Cử, thay thế trợ giúp viên pháp lý, luật sư ký hợp đồng với Trung tâm theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

2. Cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ và trại giam:

a) Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý, Tờ thông tin về trợ giúp pháp lý (trong đó có các nội dung về người được trợ giúp pháp lý; quyền và nghĩa vụ của người được trợ giúp pháp lý; địa chỉ, điện thoại liên hệ của Trung tâm, Chi nhánh);<sup>3</sup>

b) <sup>4</sup>Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý; Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý; Biên bản giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân (sau đây gọi là người được giải thích về trợ giúp pháp lý), Thông báo về trợ giúp pháp lý, Thông tin về trợ giúp pháp lý, Biên bản từ chối yêu cầu trợ giúp pháp lý và Sổ theo dõi vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng theo các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 04A và 05 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

c) <sup>5</sup>Danh sách, số điện thoại của người thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

---

<sup>3</sup> Cụm từ “Hộp tin trợ giúp pháp lý; tờ gấp pháp luật” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>4</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>5</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch

3. Cung cấp cho cơ sở giam giữ băng ghi âm, đĩa ghi âm, USB<sup>6</sup> hoặc phương tiện điện tử khác có nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý.

4.<sup>7</sup> Trường hợp nhận được thông báo của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì Trung tâm, Chi nhánh có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. Nếu vụ việc thuộc trường hợp thụ lý ngay thì Trung tâm, Chi nhánh cử ngay người thực hiện trợ giúp pháp lý cho người được trợ giúp pháp lý.

Trường hợp nhận được thông báo, thông tin của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng thì Trung tâm, Chi nhánh có trách nhiệm kiểm tra diện người được trợ giúp pháp lý, cử người thực hiện trợ giúp pháp lý nếu họ là người được trợ giúp pháp lý, thông tin lại cho cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chuyển đến biết nếu họ không thuộc diện được trợ giúp pháp lý hoặc không có yêu cầu trợ giúp pháp lý.

Nếu người được giải thích về trợ giúp pháp lý cần phiên dịch thì Trung tâm, Chi nhánh đề nghị cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền của cơ sở giam giữ, trại giam yêu cầu người phiên dịch.

5. Phối hợp thực hiện các hoạt động truyền thông và hướng dẫn về trợ giúp pháp lý.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý**

1. Cử, thay thế luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý.

2. Cung cấp địa chỉ, điện thoại liên hệ của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý và danh sách luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, cơ sở giam giữ, trại giam.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của người thực hiện trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng**

1. Trợ giúp viên pháp lý, luật sư tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý

---

số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>6</sup> Cụm từ “hoặc phương tiện khác có chứa nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý dạng âm thanh (MP3, WMA hoặc WMV)” được thay thế bởi cụm từ “hoặc phương tiện điện tử khác có nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>7</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật về tố tụng và pháp luật về trợ giúp pháp lý.

2. Trong tố tụng hình sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý không được bào chữa, không tiếp tục thực hiện hoặc phải từ chối thực hiện trợ giúp pháp lý trong các trường hợp sau đây:

a) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 72 của Bộ luật tố tụng hình sự;

b) Thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 của Luật Trợ giúp pháp lý.

3. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, người thực hiện trợ giúp pháp lý không tiếp tục thực hiện hoặc phải từ chối thực hiện trợ giúp pháp lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

4. Người thực hiện trợ giúp pháp lý có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về tố tụng, đồng thời báo cáo tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý nếu phát hiện người tiến hành tố tụng có quyết định, hành vi tố tụng trái pháp luật, xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý.

### **Điều 6. Thay thế người thực hiện trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng**

1. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được văn bản từ chối việc đăng ký bào chữa hoặc không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản từ chối việc đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý thay thế.

2. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được thông báo hủy bỏ việc đăng ký bào chữa của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử người thực hiện trợ giúp pháp lý thay thế.

3. Trường hợp không đồng ý với việc từ chối, hủy bỏ của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý bị từ chối, hủy bỏ có quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật về tố tụng nhưng tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý vẫn có trách nhiệm cử người thực hiện trợ giúp pháp lý thay thế để bảo đảm quyền lợi cho người được trợ giúp pháp lý.

### Chương III

## TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CƠ QUAN, NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN TIẾN HÀNH TỔ TỤNG; CƠ SỞ GIAM GIỮ, TRẠI GIAM, NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN CỦA CƠ SỞ GIAM GIỮ, TRẠI GIAM VÀ MỘT SỐ CƠ QUAN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN KHÁC<sup>8</sup>

### Điều 7. Giải thích, thông báo, thông tin về trợ giúp pháp lý

#### 1. Giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý

a)<sup>9</sup> Khi lấy lời khai lần đầu của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bị hại, người làm chứng, đương sự, tại thời điểm bắt, tạm giữ người, hỏi cung bị can, đương sự nộp đơn trực tiếp tại Tòa án hoặc tại thời điểm gửi thông báo thụ lý vụ án, vụ việc, thông báo thụ lý đơn yêu cầu, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm chuyển Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này cho họ đọc. Trường hợp họ không tự đọc được thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm đọc và giải thích cho họ.

Trường hợp họ tự nhận mình là người được trợ giúp pháp lý hoặc cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng xác định họ là người được trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý và pháp luật về tố tụng. Việc giải thích được thực hiện kịp thời, đầy đủ, bằng ngôn ngữ dễ hiểu ở các giai đoạn của quá trình tố tụng, trừ trường hợp họ đang được trợ giúp pháp lý;

b)<sup>10</sup> Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm đọc, hướng dẫn cụ thể nội dung và điền thông tin vào Biên bản giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Biên bản giải thích được lưu tại hồ sơ vụ án, vụ việc.

#### c)<sup>11</sup> (được bãi bỏ)

<sup>8</sup> Tên Chương này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>9</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>10</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>11</sup> Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

d) Việc khiếu nại liên quan đến giải thích quyền được trợ giúp pháp lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng.

## 2.<sup>12</sup> Thông báo, thông tin về trợ giúp pháp lý

Việc thông báo, thông tin về trợ giúp pháp lý được thực hiện như sau:

Trường hợp người được giải thích về trợ giúp pháp lý là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý hoặc tự nhận mình là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng cung cấp mẫu Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý để họ làm đơn, trường hợp họ không thể tự mình viết đơn thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng điền giúp thông tin, sau đó đọc lại cho họ nghe và yêu cầu họ ký tên hoặc điểm chỉ.

Cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo ngay bằng điện thoại hoặc phương tiện điện tử khác, đồng thời thông báo bằng văn bản và gửi kèm theo Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý cho Trung tâm, Chi nhánh để thực hiện các quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch này. Việc thông báo được thực hiện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này, ghi vào biên bản tố tụng và lưu tại hồ sơ vụ án, vụ việc.

Trường hợp người được giải thích về trợ giúp pháp lý tự nhận mình là người được trợ giúp pháp lý và chưa có yêu cầu trợ giúp pháp lý thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông tin cho Trung tâm, Chi nhánh biết để thực hiện các quy định tại khoản 4 Điều 3 của Thông tư liên tịch này. Việc thông tin được thực hiện theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Trường hợp họ từ chối trợ giúp pháp lý (trừ trường hợp chỉ định người bào chữa theo quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự) thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng lập Biên bản từ chối trợ giúp pháp lý theo Mẫu số 04A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này và lưu tại hồ sơ vụ án, vụ việc.

3. Trường hợp chỉ định người bào chữa cho người bị buộc tội thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đề nghị Trung tâm, Chi nhánh cử ngay người thực hiện trợ giúp pháp lý bào chữa cho họ. Việc đề nghị được thực hiện bằng văn bản thông báo theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

---

<sup>12</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

## **Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng**

1. Giải thích, thông báo, thông tin về trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Thông tư liên tịch này.

2. Đăng ký, từ chối, hủy bỏ việc đăng ký bào chữa; đăng ký, từ chối việc đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định tại Điều 12, Điều 14 và Điều 15 của Thông tư liên tịch này.

3. Thực hiện việc thống kê vào Sổ theo dõi vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

4.<sup>13</sup> Niêm yết Bảng thông tin về trợ giúp pháp lý, danh sách, số điện thoại của người thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

5. Đề nghị Trung tâm, Chi nhánh phối hợp thực hiện các hoạt động truyền thông và hướng dẫn về trợ giúp pháp lý.

6. Trong quá trình tham gia tố tụng, nếu phát hiện người thực hiện trợ giúp pháp lý có hành vi vi phạm pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xử lý theo quy định của pháp luật và thông báo cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý để kịp thời xử lý theo thẩm quyền và thay thế người thực hiện trợ giúp pháp lý.

7. Giao các văn bản tố tụng cho người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng trong vụ án, vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng.

8. Bảo đảm cho người thực hiện trợ giúp pháp lý khi tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về tố tụng và pháp luật về trợ giúp pháp lý.

9. Khuyến khích Cơ quan điều tra, Tòa án các cấp tạo điều kiện cho người thực hiện trợ giúp pháp lý trực tại các cơ quan này phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để người được trợ giúp pháp lý biết và sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý kịp thời.

## **Điều 9. Trách nhiệm của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng**

1. Giải thích, thông báo, thông tin về trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Thông tư liên tịch này.

2. Thông báo trước về thời gian, địa điểm lấy lời khai, hỏi cung và thời gian, địa điểm tiến hành hoạt động điều tra khác theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự cho người thực hiện trợ giúp pháp lý.

---

<sup>13</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### 3. Đối với việc xét xử:

a) Thông báo lịch xét xử bằng văn bản qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức bảo đảm, chuyển trực tiếp hoặc bằng hình thức khác cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý đã đăng ký bào chữa, đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự ít nhất 10 ngày trước ngày xét xử, đối với việc xét xử theo thủ tục rút gọn thì ít nhất 07 ngày trước ngày xét xử;

b) Ghi rõ trong bản án, quyết định họ và tên, chức danh của người thực hiện trợ giúp pháp lý do tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cử và ghi rõ ý kiến hoặc quan điểm bào chữa hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ cho người được trợ giúp pháp lý.

4. Xác nhận về thời gian hoặc công việc của người thực hiện trợ giúp pháp lý khi làm việc với cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

### **Điều 10. Trách nhiệm của cơ sở giam giữ, trại giam**

#### 1. Cơ sở giam giữ có trách nhiệm:

a) Giải thích, thông báo, thông tin về trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Thông tư liên tịch này cho người bị tạm giữ, người bị tạm giam thuộc diện được trợ giúp pháp lý;

b) Thực hiện các hoạt động theo quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 8 của Thông tư liên tịch này;

c) Niêm yết Tờ thông tin về trợ giúp pháp lý trong buồng tạm giữ, buồng tạm giam, tại nơi làm thủ tục tiếp nhận người bị tạm giữ, người bị tạm giam, phòng thăm gặp, phòng làm việc của người bào chữa và nơi sinh hoạt chung của người bị tạm giữ, người bị tạm giam; phát qua các phương tiện truyền thanh của cơ sở giam giữ bằng ghi âm, đĩa ghi âm, USB hoặc phương tiện khác có chứa nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý dạng âm thanh (MP3, WMA hoặc WMV) tại nơi sinh hoạt chung của người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

#### 2. Trại giam có trách nhiệm:

a)<sup>14</sup> Giải thích, thông báo, thông tin về trợ giúp pháp lý theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 của Thông tư liên tịch này cho phạm nhân thuộc diện được trợ giúp pháp lý đang chấp hành án tại trại giam là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người làm chứng, người bị buộc tội, bị hại hoặc đương sự trong vụ án, vụ việc khác do có hành vi phạm tội, xâm hại hoặc có liên quan đến vụ án, vụ việc trước khi chấp hành án;

<sup>14</sup> Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

b) Thực hiện việc thống kê vào Sổ theo dõi vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Thông tư liên tịch này.

**Điều 11. Trách nhiệm của người có thẩm quyền của cơ sở giam giữ, trại giam**

1. Người có thẩm quyền của cơ sở giam giữ có trách nhiệm:

a) Thực hiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của Thông tư liên tịch này.

Khi người bị tạm giữ, người bị tạm giam có yêu cầu trợ giúp pháp lý, người có thẩm quyền của cơ sở giam giữ có trách nhiệm hướng dẫn họ viết đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và chuyển đến Trung tâm, Chi nhánh cùng với thông báo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Thông tư liên tịch này;

b) Tạo điều kiện thuận lợi cho người thực hiện trợ giúp pháp lý gặp gỡ, tiếp xúc với người bị tạm giữ, người bị tạm giam theo quy định của pháp luật;

c) Xác nhận về thời gian người thực hiện trợ giúp pháp lý gặp gỡ, tiếp xúc với người bị tạm giữ, người bị tạm giam.

2. Người có thẩm quyền của trại giam có trách nhiệm thực hiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 của Thông tư liên tịch này.

**Điều 11a. Trách nhiệm báo cáo, thống kê<sup>15</sup>**

Hàng năm, Sở Tài chính, Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh gửi báo cáo kết quả triển khai Thông tư liên tịch này cho Sở Tư pháp; Bộ Tư lệnh cấp quân khu và tương đương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội gửi báo cáo kết quả triển khai Thông tư liên tịch này cho Sở Tư pháp (tại địa phương có trụ sở Bộ Tư lệnh) tổng hợp. Việc báo cáo được thực hiện 02 lần/năm: lần 1 từ 01/01 đến 31/10, gồm kết quả triển khai Thông tư liên tịch này và số liệu tổng hợp theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này; lần 2 từ 01/01 đến 31/12, chỉ báo cáo số liệu theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Thời hạn Sở Tư pháp nhận báo cáo lần 01 là ngày 05/11; nhận báo cáo lần 02 là ngày 10/01 năm sau.

Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai Thông tư liên tịch này gửi Bộ Tư pháp theo Mẫu số 06A, 06B và Mẫu số 06C ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Thời hạn nhận báo cáo lần 01 là ngày 20/11; nhận báo cáo lần 02 là ngày 20/01 năm sau.

---

<sup>15</sup> Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC- sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

## Chương IV

### **ĐĂNG KÝ, TỪ CHỐI, HỦY BỎ VIỆC ĐĂNG KÝ BẢO CHỮA; ĐĂNG KÝ, TỪ CHỐI VIỆC ĐĂNG KÝ NGƯỜI BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA ĐƯƠNG SỰ**

#### **Điều 12. Đăng ký bảo chữa, đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự**

1. Trong tố tụng hình sự, việc đăng ký bảo chữa được thực hiện như sau:

a) Trợ giúp viên pháp lý, luật sư ký hợp đồng với Trung tâm xuất trình Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm hoặc Chi nhánh;

b) Luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý xuất trình Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý nơi luật sư đó hành nghề, làm việc;

c) Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm kiểm tra giấy tờ, nếu thấy không thuộc trường hợp từ chối việc đăng ký bảo chữa thì vào sổ đăng ký bảo chữa, gửi ngay văn bản thông báo người bảo chữa cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý và lưu giấy tờ liên quan đến việc đăng ký bảo chữa vào hồ sơ vụ án; nếu thấy không đủ điều kiện thì từ chối việc đăng ký bảo chữa.

2. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, việc đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được thực hiện như sau:

a) Trợ giúp viên pháp lý, luật sư ký hợp đồng với Trung tâm xuất trình Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Thẻ luật sư và văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm hoặc Chi nhánh;

b) Luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý xuất trình Thẻ luật sư và văn bản cử luật sư của tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý nơi luật sư đó hành nghề, làm việc;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ giấy tờ theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều này, Tòa án phải vào sổ đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, xác nhận vào giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và gửi lại cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý, nếu thấy không đủ điều kiện thì từ chối việc đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

3. Trường hợp trợ giúp viên pháp lý, luật sư không trực tiếp xuất trình các giấy tờ nêu tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này để đăng ký bảo chữa, tại điểm a hoặc điểm b khoản 2 Điều này để đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích

hợp pháp của đương sự thì họ phải gửi cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bản sao có chứng thực Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc bản sao có chứng thực Thẻ luật sư và văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý.

**Điều 13. Hiệu lực của việc đăng ký bào chữa, đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự**

1. Trong tố tụng hình sự, người thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng từ giai đoạn nào thì đăng ký bào chữa ở giai đoạn đó và văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng, trừ các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 78 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trong trường hợp phục hồi điều tra, tách, nhập vụ án, chuyển vụ án để điều tra lại trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thì người thực hiện trợ giúp pháp lý vẫn tiếp tục tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Trường hợp vụ án cần điều tra lại thì phải đăng ký lại việc bào chữa theo thủ tục quy định tại khoản 1 Điều 12 của Thông tư liên tịch này.

2. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, giấy yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có xác nhận của Tòa án đang thụ lý vụ việc có giá trị sử dụng trong quá trình tham gia tố tụng.

Trường hợp tách, nhập vụ án thì người thực hiện trợ giúp pháp lý tiếp tục tham gia tố tụng cho đến khi kết thúc vụ án. Trường hợp vụ án xét xử lại thì phải đăng ký lại người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 12 của Thông tư liên tịch này.

3. Trường hợp người thực hiện trợ giúp pháp lý bị thay thế theo quy định của pháp luật về tố tụng, pháp luật về trợ giúp pháp lý thì việc đăng ký bào chữa, đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Thông tư liên tịch này.

**Điều 14. Từ chối việc đăng ký bào chữa, đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự**

1. Trong tố tụng hình sự, trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng từ chối việc đăng ký bào chữa cho người thực hiện trợ giúp pháp lý khi thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 78 của Bộ luật tố tụng hình sự thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý.

2. Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, Tòa án từ chối đăng ký người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự cho người thực hiện trợ giúp pháp lý theo khoản 5 Điều 75 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 61 của Luật tố tụng hành chính thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý.

## **Điều 15. Thông báo hủy bỏ việc đăng ký bào chữa**

Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi hủy bỏ việc đăng ký bào chữa theo quy định của pháp luật về tố tụng thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do hủy bỏ cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý.

### **Chương V<sup>16</sup> (được bãi bỏ)**

### **Chương VI**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 22. Trách nhiệm thực hiện<sup>17</sup>**

Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Toà án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Công an, Toà án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh; Bộ Tư lệnh cấp quân khu và tương đương, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội có trách nhiệm:

1. Quán triệt, chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra các đơn vị có liên quan do mình quản lý thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Thông tư liên tịch này.

2. Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

### **Điều 23. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng của mỗi cơ quan, đơn vị theo Thông tư liên tịch này được lập dự toán chung trong kinh phí ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho mỗi cơ quan, đơn vị.

2. Kinh phí phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng bao gồm:

a) Kinh phí sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá, sao chụp tài liệu phối hợp về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng ở Trung ương và địa phương;

b) Kinh phí đặt Bảng thông tin, Tờ thông tin về trợ giúp pháp lý<sup>18</sup> và các tài liệu khác có liên quan; cung cấp USB hoặc phương tiện điện tử khác có nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý<sup>19</sup>;

<sup>16</sup> Chương này bao gồm các điều 16, 17, 18, 19, 20 và 21 được bãi bỏ theo quy định tại khoản 6 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>17</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>18</sup> Cụm từ “Hộp tin trợ giúp pháp lý, tờ gấp pháp luật” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm

c) Kinh phí in ấn Sổ theo dõi vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này;

d) Kinh phí tổ chức tập huấn<sup>20</sup> cho người thực hiện trợ giúp pháp lý; người có thẩm quyền tiến hành tố tụng;

đ) Kinh phí chi khen thưởng<sup>21</sup> thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng;

e)<sup>22</sup> (*được bãi bỏ*);

g) Kinh phí chi cho các hoạt động khác để tăng cường hiệu quả phối hợp trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

3.<sup>23</sup> (*được bãi bỏ*).

4.<sup>24</sup> Trách nhiệm lập dự toán kinh phí

Bộ Tư pháp (Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật và Trợ giúp pháp lý) lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phối hợp trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý ở Trung ương (nội dung quy định tại các điểm a, d, đ và g khoản 2 Điều này); Sở Tư pháp (Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước) lập dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phối hợp trợ giúp pháp lý ở địa phương (nội dung quy định tại khoản 2 Điều này) theo quy định hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước.

2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>19</sup> Cụm từ “hoặc phương tiện khác có chứa nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý dạng âm thanh (MP3, WMA hoặc WMV)” được thay thế bởi cụm từ “USB hoặc phương tiện điện tử khác có nội dung thông tin về trợ giúp pháp lý” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>20</sup> Cụm từ “cho thành viên Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương địa phương và thành viên Tổ giúp việc cho Hội đồng” được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 2 Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>21</sup> Cụm từ “cho thành viên Hội đồng phối hợp liên ngành Trung ương địa phương và thành viên Tổ giúp việc cho Hội đồng” được bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 2 Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>22</sup> Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>23</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>24</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**Điều 24.<sup>25</sup> (được bãi bỏ)**

**Điều 25. Hiệu lực thi hành<sup>26</sup>**

1. Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2018.

2. Thông tư liên tịch này thay thế Thông tư liên tịch số 11/2013/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-VKSNDTC-TANDTC ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thực hiện một số quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm phản ánh với Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính, Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao để xem xét, hướng dẫn thực hiện hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**BỘ TƯ PHÁP**

**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: /VBHN-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Ngọc (để biết);
- Công Pháp luật quốc gia (để đăng tải);
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tư pháp (để đăng tải);
- CSDL quốc gia về văn bản pháp luật (để đăng tải);
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, PB&TG.

**BỘ TRƯỞNG**

**Hoàng Thanh tùng**

<sup>25</sup> Điều này được bãi bỏ bởi khoản 8 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

<sup>26</sup> Điều 3 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025 quy định như sau:

**“Điều 3. Hiệu lực thi hành**

*Thông tư liên tịch này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.”*

Mẫu số 01. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

SỞ TƯ PHÁP TỈNH/THÀNH PHỐ (1).....  
TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## PHIẾU THÔNG TIN VỀ QUYỀN ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ<sup>1 27</sup>

(Cung cấp cho người được giải thích về trợ giúp pháp lý)

**I. Ông/bà thuộc một trong những người được trợ giúp pháp lý sau đây thì được hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí (không phải trả tiền) (ông/bà khoanh tròn trước đối tượng mà ông/bà tự nhận):**

1. Người có công với cách mạng.
2. Người thuộc hộ nghèo.
3. Trẻ em (người dưới 16 tuổi).
4. Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
5. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, phạm nhân.
6. Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo.
7. Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.
8. Người thuộc hộ cận nghèo hoặc người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng và thuộc một trong các trường hợp sau:
  - a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ;
  - b) Người nhiễm chất độc da cam;
  - c) Người cao tuổi (người từ đủ 60 tuổi trở lên);
  - d) Người khuyết tật;
  - đ) Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;
  - g) Người nhiễm HIV.

<sup>1</sup> Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền của cơ sở giam giữ, trại giam chuyên cho người được giải thích về trợ giúp pháp lý đọc. Trường hợp họ không tự đọc được thì cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm đọc và giải thích cho họ. Phiếu Thông tin này được lưu hồ sơ vụ án, vụ việc

<sup>27</sup> Mẫu số 01 “Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý” được thay thế theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**II. Người được trợ giúp pháp lý có quyền:** Tự mình hoặc nhờ người thân thích (bố, mẹ, vợ, chồng, con...) hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý.

**III. Để được trợ giúp pháp lý (giúp đỡ về pháp luật), người được trợ giúp pháp lý yêu cầu tổ chức sau thực hiện trợ giúp pháp lý cho mình<sup>2</sup>:**

1. Trong vụ án hình sự:

a) Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố (1).....

Địa chỉ trụ sở chính: (2).....

Điện thoại: (3) .....Giám đốc: (4).....

b) Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố (1).....<sup>3</sup>:

Chi nhánh: (5) .....

Địa chỉ trụ sở chính: (2).....

Điện thoại: (3) .....Trưởng Chi nhánh: (4).....

2. Trong vụ việc dân sự, hành chính:

a) Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố (1).....

Địa chỉ trụ sở chính: (2).....

Điện thoại: (3).....Giám đốc: (4).....

b) Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố (1).....<sup>3</sup>:

Chi nhánh: (5).....

Địa chỉ trụ sở chính: (2).....

Điện thoại: (3) .....Trưởng Chi nhánh: (4).....

c) Công ty luật, văn phòng luật sư, trung tâm tư vấn pháp luật có ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý được công bố tại:(6).....

d) Công ty luật, văn phòng luật sư, trung tâm tư vấn pháp luật có đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý được công bố tại: (6).....

*Xác nhận của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân là đã được cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng chuyển cho Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý để đọc hoặc đọc và giải thích trong trường hợp không tự đọc được.*

(7).....

**NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI THÍCH VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên hoặc điểm chỉ)

<sup>2</sup> Trung tâm điền đầy đủ các thông tin nêu tại các ghi chú từ (1) đến (6) trong Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý để người được trợ giúp pháp lý biết, yêu cầu trợ giúp pháp lý.

<sup>3</sup> Trường hợp có nhiều Chi nhánh thì phải liệt kê các Chi nhánh với đầy đủ thông tin để người được trợ giúp pháp lý biết và yêu cầu trợ giúp pháp lý.

**Ghi chú:**

- (1) Địa danh nơi Trung tâm hoặc Chi nhánh của Trung tâm đóng trụ sở;
- (2), (3), (4) Thông tin về Trung tâm hoặc Chi nhánh của Trung tâm: địa chỉ trụ sở chính (số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố); số điện thoại tại trụ sở; họ và tên của Giám đốc Trung tâm/Trưởng Chi nhánh;
- (5) Tên đầy đủ của Chi nhánh;
- (6) Nơi công bố danh sách tổ chức ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý và tổ chức đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý;
- (7) Trường hợp người được thông tin về trợ giúp pháp lý thuộc một trong các đối tượng nêu tại mục 1 Phiếu thông tin này, ví dụ: “Tôi tự nhận mình là người có công với cách mạng”.

(1).....  
(2).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: (3)...../BB-.....

## BIÊN BẢN

### Giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí<sup>28</sup>

Hôm nay, vào lúc (4)....., ngày.....tháng.....năm.....tại (5).....

Tôi là: (6)....., chức danh: (7)....., đại diện cho: (2).....

Thực hiện việc giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí cho ông/bà:  
(8)..... số điện thoại: (9).....Cư trú tại: (10).....

Là (11).....trong vụ án/vụ việc (12):.....với các nội dung sau đây:

**1. Hỏi: Ông/bà đã đọc hoặc được người có thẩm quyền đọc cho nghe nội dung Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý chưa?**

**Đáp:** *khoanh tròn phương án (a) hoặc (b):*

- a) Đã đọc hoặc được đọc và giải thích.
- b) Chưa đọc hoặc chưa được đọc và giải thích.

*Nếu chưa đọc hoặc chưa được giải thích, đề nghị ông/bà đọc lại Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý. Nếu ông/bà không tự mình đọc được thì tôi giải thích cho ông/bà biết.*

**2. Ông/bà có thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý không?**

**Đáp:** *khoanh tròn phương án (a) hoặc (b):*

- a) Có (ghi rõ đối tượng):.....
- b) Không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý.

**3. Ông/bà có yêu cầu trợ giúp pháp lý không?**

**Đáp:** *khoanh tròn phương án (a) hoặc (b):*

- a) Có yêu cầu.
- b) Chưa có yêu cầu.

<sup>28</sup> Mẫu số 02 “Biên bản giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí” được thay thế theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**4. Các ý kiến khác:**.....

Biên bản này được lập thành 02 bản, người được giải thích giữ 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu hồ sơ vụ án, vụ việc./.

**NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI THÍCH VỀ  
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên hoặc điểm chỉ)

**CƠ QUAN/NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN  
TIẾN HÀNH TỔ TỤNG/GIÁM THỊ TRẠI GIAM,  
TRẠI TẠM GIAM, TRƯỞNG PHÂN TRẠI**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan ban hành;
- (2) Tên cơ quan ban hành;
- (3) Số, ký hiệu của biên bản;
- (4) Ghi rõ giờ, phút; ngày, tháng, năm lập biên bản;
- (5) Nơi lập biên bản;
- (6), (7) Ghi rõ họ và tên, chức danh của người lập biên bản;
- (8) Ghi rõ họ và tên người được giải thích về trợ giúp pháp lý;
- (9) Ghi rõ tư cách tham gia tố tụng là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại hoặc đương sự;
- (10) Ghi rõ địa chỉ của người được giải thích về trợ giúp pháp lý (số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố);
- (11) Ghi rõ người được giải thích về trợ giúp pháp lý là người thuộc đối tượng nào sau đây: người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân.
- (12) Điền đầy đủ và chính xác thông tin vụ án, vụ việc ví dụ: Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

Mẫu số 03. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

(1).....  
(2).....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: (3)...../TB-.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**THÔNG BÁO VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ<sup>29</sup>**

Kính gửi: (4).....

Căn cứ vào (5).....,(2).....thông báo và đề nghị (4).....cử người thực hiện trợ giúp pháp lý cho: (6).....

Họ và tên: (7).....

Ngày, tháng, năm sinh: (8).....

Nơi cư trú: (9).....

Số căn cước/mã định danh:.....

Số điện thoại: .....

Giới tính:  Nam  Nữ

Thuộc diện trợ giúp pháp lý: (10).....

Đề nghị trợ giúp pháp lý ở giai đoạn:

- Giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố
- Điều tra
- Truy tố
- Xét xử
- Cho đến khi vụ việc kết thúc

Thuộc vụ án, vụ việc (11):.....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, vụ việc,.....

**CƠ QUAN/NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN**  
**TIẾN HÀNH TỐ TỤNG/GIÁM THỊ TRẠI GIAM,**  
**TRẠI TẠM GIAM, TRƯỞNG PHÂN TRẠI**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

<sup>29</sup> Mẫu số 03 “Thông báo về trợ giúp pháp lý” được thay thế theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan ban hành;
- (2) Tên cơ quan ban hành;
- (3) Số, ký hiệu văn bản;
- (4) Ghi đầy đủ tên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước hoặc Chi nhánh của Trung tâm;
- (5) Trường hợp án chỉ định bào chữa thì ghi rõ căn cứ là biên bản tố tụng (số, ngày lập, cơ quan lập); các trường hợp còn lại trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính ghi rõ căn cứ là Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý và Biên bản giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí của người được giải thích về trợ giúp pháp lý theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này (số, ngày lập, cơ quan lập);
- (6) Ghi rõ là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân. Trường hợp có nhiều người được giải thích về trợ giúp pháp lý theo danh sách kèm theo (có các nội dung: họ và tên; ngày/tháng/năm sinh; nơi cư trú; thuộc diện được trợ giúp pháp lý; là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân);
- (7), (8), (9) Ghi rõ thông tin của người được giải thích về trợ giúp pháp lý: họ và tên; ngày/tháng/năm sinh; nơi cư trú ghi rõ là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú (số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố);
- (10) Ghi rõ thuộc diện được trợ giúp pháp lý nào trong Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, ví dụ: người có công với cách mạng;
- (11) Điền đầy đủ và chính xác thông tin vụ án, vụ việc ví dụ: Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

Mẫu số 04. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

(1).....  
(2).....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: (3)..../TT-.....

....., ngày..... tháng.....năm.....

**THÔNG TIN VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ<sup>30</sup>**

Kính gửi: (4).....

Căn cứ vào (5).....,(2).....thông tin đề (4)..... kiểm tra thông tin về người được trợ giúp pháp lý đối với (6).....:

Họ và tên: (7).....

Số điện thoại:.....

Số căn cước/mã định danh:.....

Giới tính:  Nam  Nữ

Nơi cư trú: (8).....

Là (9).....(10) trong vụ án/vụ việc:.....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án, vụ việc,.....

**CƠ QUAN/NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN**  
**TIẾN HÀNH TỔ TỤNG/GIÁM THỊ TRẠI GIAM,**  
**TRẠI TẠM GIAM, TRƯỞNG PHÂN TRẠI**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan ban hành;
- (2) Tên cơ quan ban hành;
- (3) Số, ký hiệu văn bản;
- (4) Ghi đầy đủ tên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh/thành phố hoặc Chi nhánh của Trung tâm;
- (5) Ghi rõ căn cứ là Phiếu thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý và Biên bản giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí (số, ngày lập, cơ quan lập);
- (6) Ghi rõ là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân;
- (7), (8) Ghi rõ thông tin của người được giải thích về trợ giúp pháp lý: họ và tên; nơi cư trú ghi rõ là nơi thường trú hoặc nơi tạm trú (số nhà, ngõ, gác, tổ, đường, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố);
- (9) Ghi rõ là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân;
- (10) Điền đầy đủ và chính xác thông tin vụ án, vụ việc ví dụ: Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

<sup>30</sup> Mẫu số 04 “Thông tin về trợ giúp pháp lý” được thay thế theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Mẫu số 04A. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

(1).....  
(2).....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: (3)...../BBTC-.....

**BIÊN BẢN**

**Từ chối trợ giúp pháp lý<sup>31</sup>**

Hôm nay, vào lúc (4)....., ngày.....tháng.....năm.....tại (5).....

Tôi là: (6)....., chức danh: (7)....., đơn vị công tác: (2).....

Thực hiện việc giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý miễn phí cho ông/bà:

(8)..... số điện thoại: .....Cư trú tại: (10).....

.....  
Là (9).....(11) trong vụ án/vụ việc:.....

Sau khi được giải thích, ông/bà (8).....vẫn tự nguyện từ chối quyền được trợ giúp pháp lý.

Biên bản này được lập thành 03 bản, người từ chối trợ giúp pháp lý giữ 01 (một) bản, người thực hiện trợ giúp pháp lý giữ 01 (một) bản và 01 (một) bản lưu hồ sơ vụ án, vụ việc./.

**NGƯỜI ĐƯỢC GIẢI THÍCH VỀ  
TRỢ GIÚP PHÁP LÝ**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên hoặc điểm chỉ)

**CƠ QUAN/NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN  
TIẾN HÀNH TỔ TỤNG/GIÁM THỊ TRẠI GIAM,  
TRẠI TẠM GIAM, TRƯỞNG PHÂN TRẠI**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên)

**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan ban hành;
- (2) Tên cơ quan ban hành;
- (3) Số, ký hiệu của biên bản;
- (4) Ghi rõ giờ, phút; ngày, tháng, năm lập biên bản;
- (5) Nơi lập biên bản;
- (6), (7) Ghi rõ họ và tên, chức danh của người lập biên bản;
- (8) Ghi rõ họ và tên người được giải thích về trợ giúp pháp lý;
- (9) Ghi rõ là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân;
- (10) Ghi rõ địa chỉ của người được giải thích về trợ giúp pháp lý (số nhà, ngõ, ngách, tổ, đường, thôn, xã/phường/đặc khu, tỉnh/thành phố);
- (11) Điền đầy đủ và chính xác thông tin vụ án, vụ việc ví dụ: Tội sản xuất trái phép chất ma túy.

<sup>31</sup> Mẫu số 04A “Biên bản từ chối trợ giúp pháp lý” được bổ sung theo quy định tại Khoản 9 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

.....(1)

.....(2)

# SỔ THEO DÕI

## VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG<sup>32</sup>

Lĩnh vực:.....(3)

Năm:.....(4)

<sup>32</sup> Mẫu số 05 “Sổ theo dõi vụ việc trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng” được thay thế theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

STT	Thụ lý hồ sơ (Số, ngày/tháng/năm)	Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, người làm chứng, phạm nhân (Họ và tên, tuổi, địa chỉ)	Thuộc đối tượng là người được trợ giúp pháp lý <sup>1</sup>		
			Không yêu cầu trợ giúp pháp lý (5)	Được trợ giúp pháp lý	
				Thuộc trường hợp chỉ định bảo chữa (6)	Có yêu cầu trợ giúp pháp lý (7)
1	2	3	4	5	6
<b>Tổng số:</b>					

**Ghi chú:**

Việc báo cáo kết quả triển khai được thực hiện 02 lần/năm: lần 1 từ 01/01 đến 31/10, gồm kết quả triển khai Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC và số liệu tổng hợp theo Mẫu số 05; lần 2 từ 01/01 đến 31/12, chỉ báo cáo số liệu theo Mẫu số 05.

- (1) Tên cơ quan chủ quản của cơ quan lập số;
- (2) Tên cơ quan lập số;
- (3) Lĩnh vực: ghi rõ là hình sự hoặc dân sự, hành chính;
- (4) Ghi rõ năm lập số;
- (5), (6), (7) Đánh dấu x vào cột 4, cột 5 hoặc cột 6.

<sup>1</sup> Các cơ quan thống kê vào Sổ theo dõi vụ việc trợ giúp pháp lý trong tổ tụng sau khi nhận được quyết định cử người thực hiện trợ giúp pháp lý hoặc thông tin từ Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Mẫu số 06A. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....(1)  
**SỞ TƯ PHÁP**

Số:.....(2)/BC-STP

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.....năm.....

## **BÁO CÁO<sup>1</sup>**

**Kết quả triển khai Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC trên địa bàn tỉnh/thành phố.....(1)<sup>33</sup>**

Năm:.....(3)

### **I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

.....  
.....

### **II. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN**

.....  
.....

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

.....  
.....

### **IV. PHƯƠNG HƯỚNG**

.....  
.....

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp;
- Hội đồng PHPBGDPL cấp tỉnh;
- .....
- Lưu: VT,.....

#### **GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP**

(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

#### **Ghi chú:**

- (1) Địa danh tỉnh/thành phố;
- (2) Số văn bản;
- (3) Thời gian theo năm.

<sup>1</sup> Sở Tư pháp thực hiện báo cáo lần 1 gồm báo cáo nội dung kết quả triển khai Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC và số liệu được lấy từ ngày 01/01 đến ngày 31/10 hàng năm.

<sup>33</sup> Mẫu số 06 “Báo cáo kết quả triển khai Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC trên địa bàn tỉnh/thành phố” được thay thế theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tổ tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Mẫu số 06B. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....(1)  
**SỞ TƯ PHÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC BÁO CÁO SỐ LIỆU NĂM<sup>1</sup>.....(2)<sup>34</sup>**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số... /BC-STP ngày... tháng... năm... của ...)

**I. KẾT QUẢ VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG**

STT	Người thực hiện trợ giúp pháp lý	Tổng số vụ việc TGPL (3)	Các lĩnh vực trợ giúp pháp lý				Vụ việc thuộc án chỉ định bào chữa (4)
			Hình sự		Dân sự	Hành chính	
			Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp	Bào chữa			
1	2	3	4	5	6	7	8
	Trợ giúp viên pháp lý						
	Luật sư ký hợp đồng với Trung tâm						
	Luật sư của tổ chức tham gia TGPL						
	<b>Tổng số vụ việc (5)</b>						

<sup>1</sup>Sở Tư pháp thực hiện báo cáo lần 1 gồm báo cáo nội dung kết quả triển khai Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC và số liệu được lấy từ ngày 01/01 đến ngày 31/10 hàng năm.

<sup>34</sup> Mẫu số 06B “Phụ lục báo cáo số liệu” được thay thế theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

## II. KẾT QUẢ LƯỢT NGƯỜI ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ NGƯỜI THUỘC DIỆN ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỰNG<sup>1</sup>

Phân theo cơ quan, tổ chức chuyên đến		Tổng số người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong vụ án, vụ việc do các cơ quan thụ lý, tiếp nhận		Tổng số lượt người được TGPL (6)	Phân theo diện người được trợ giúp pháp lý													Người được TGPL thuộc trường hợp chỉ định bảo chữa (7)	
					Người có công với cách mạng	Người thuộc hộ nghèo	Người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Người vừa thuộc hộ nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số	Trẻ em	Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, phạm nhân	Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo	Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người	Người có khó khăn về tài chính						
													Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ	Người nhiễm chất độc da cam	Người cao tuổi	Người khuyết tật	Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình		Người nhiễm HIV
A(8)		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>I</b>	Người được trợ giúp pháp lý, người thuộc diện được trợ giúp pháp lý từ cơ quan phối hợp																		
<b>1</b>	Công an																		
<b>1.1</b>	Cơ quan điều tra, trại tạm giam, cơ sở giam giữ																		
<b>1.2</b>	Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra																		
<b>1.3</b>	Trại giam																		
<b>2</b>	Tòa án nhân dân																		

<sup>1</sup> Phương pháp tính lượt người được trợ giúp pháp lý và người thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định về thống kê của Bộ Tư pháp.

3	Viện kiểm sát nhân dân																		
4	Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trừ các cơ quan tại mục 1.2)																		
II	Người được TGPL từ nguồn khác (Đối tượng tự tìm đến hoặc được cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giới thiệu đến)																		
<b>Tổng số (I+II)</b>																			

**Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp;
- Hội đồng PHPBGDPL cấp tỉnh;
- .....
- Lưu: VT,.....

**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP**  
(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2) Thời gian theo năm;
- (3) Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý = cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7;
- (4) Vụ việc trợ giúp pháp lý thuộc án chỉ định bào chữa có thể trùng với một trong các vụ việc trợ giúp pháp lý từ cột 4 đến cột 7;
- (5) Tổng số vụ việc (từ cột 3 đến cột 8) = mục 1 + mục 2 + mục 3;
- (6) Tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý (cột 3) = tổng các cột từ cột 4 đến cột 17;
- (7) Đối tượng thuộc cột 18 có thể trùng với đối tượng từ cột 4 đến cột 17;
- (8) Cột A:  
Mục I = mục 1 + mục 2 + mục 3 + mục 4;  
Mục 1 = mục 1.1 + mục 1.2 + mục 1.3;  
Tổng số = tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng theo quy định về thống kê của Bộ Tư pháp.

Mẫu số 06C. (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....(1)  
**SỞ TƯ PHÁP**

Số:.....(2)/BC-STP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.....năm.....

**BÁO CÁO SỐ LIỆU NĂM<sup>1</sup>.....(3) (CHÍNH THỨC)<sup>35</sup>**

**I. KẾT QUẢ VỤ VIỆC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG**

STT	Người thực hiện trợ giúp pháp lý	Tổng số vụ việc TGPL (3)	Các lĩnh vực trợ giúp pháp lý				Vụ việc thuộc án chỉ định bào chữa (4)
			Hình sự		Dân sự	Hành chính	
			Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp	Bào chữa			
1	2	3	4	5	6	7	8
	Trợ giúp viên pháp lý						
	Luật sư ký hợp đồng với Trung tâm						
	Luật sư của tổ chức tham gia TGPL						
	<b>Tổng số vụ việc (5)</b>						

<sup>1</sup> Sở Tư pháp thực hiện báo cáo lần 02 với số liệu được lấy từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

<sup>35</sup> Mẫu số 06C “Phụ lục báo cáo số liệu (Chính thức)” được thay thế theo quy định tại khoản 10 Điều 2 của Thông tư liên tịch số 29/2025/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 10/2018/TTLT-BTP-BCA-BQP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 29 tháng 6 năm 2018 quy định về phối hợp thực hiện trợ giúp pháp lý trong hoạt động tố tụng, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2025.

## II. KẾT QUẢ LƯỢT NGƯỜI ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ VÀ NGƯỜI THUỘC DIỆN ĐƯỢC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỰNG<sup>1</sup>

Phân theo cơ quan, tổ chức chuyên đến		Tổng số người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị buộc tội, bị hại, đương sự, trong vụ án, vụ việc do các cơ quan thụ lý, tiếp nhận		Tổng số lượt người được TGPL (6)	Phân theo diện người được trợ giúp pháp lý													Người được TGPL thuộc trường hợp chỉ định bảo chữa (7)	
		Tổng số	Trong đó người thuộc diện được trợ giúp pháp lý		Người có công với cách mạng	Người thuộc hộ nghèo	Người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Người vừa thuộc hộ nghèo, vừa là người dân tộc thiểu số	Trẻ em	Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, phạm nhân	Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo	Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người	Người có khó khăn về tài chính						
													Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ	Người nhiễm chất độc da cam	Người cao tuổi	Người khuyết tật	Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình		Người nhiễm HIV
A(8)		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Người được trợ giúp pháp lý, người thuộc diện được trợ giúp pháp lý từ cơ quan phối hợp																		
1	Công an																		
1.1	Cơ quan điều tra, trại tạm giam, cơ sở giam giữ																		
1.2	Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra																		
1.3	Trại giam																		

<sup>1</sup> Phương pháp tính lượt người được trợ giúp pháp lý và người thuộc diện được trợ giúp pháp lý theo quy định về thống kê của Bộ Tư pháp.

2	Tòa án nhân dân																			
3	Viện kiểm sát nhân dân																			
4	Các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra (trừ các cơ quan tại mục 1.2)																			
II	Người được TGPL từ nguồn khác (Đối tượng tự tìm đến hoặc được cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giới thiệu đến)																			
<b>Tổng số (I+II)</b>																				

**Nơi nhận:**

- Bộ Tư pháp;
- Hội đồng PHPBGDPL cấp tỉnh;
- .....
- Lưu: VT,.....

**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP**  
(Ký tên, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Tên tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương;
- (2) Thời gian theo năm;
- (3) Tổng số vụ việc trợ giúp pháp lý = cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7;
- (4) Vụ việc trợ giúp pháp lý thuộc án chỉ định bảo chữa có thể trùng với một trong các vụ việc trợ giúp pháp lý từ cột 4 đến cột 7;
- (5) Tổng số vụ việc (từ cột 3 đến cột 8) = mục 1 + mục 2 + mục 3;
- (6) Tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý (cột 3) = tổng các cột từ cột 4 đến cột 17;
- (7) Đối tượng thuộc cột 18 có thể trùng với đối tượng từ cột 4 đến cột 17;
- (8) Cột A:  
Mục I = mục 1 + mục 2 + mục 3 + mục 4;  
Mục 1 = mục 1.1 + mục 1.2 + mục 1.3;  
Tổng số = tổng số lượt người được trợ giúp pháp lý bằng hình thức tham gia tố tụng theo quy định